

Số: 26/QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 1 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành “Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ - Hợp tác quốc tế, giai đoạn 2020 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ- TTg ngày 03 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật ban hành kèm theo Quyết định số 172/QĐ-ĐHL ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-ĐHL ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng ban hành chiến lược phát triển trường Đại học Luật – Đại học Huế giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn 2030.

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng KHCN-HTQT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ - Hợp tác quốc tế, giai đoạn 2020 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc, Trưởng các nhóm nghiên cứu và cán bộ viên chức trường Đại học Luật có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu VT, Phòng KHCN-MT-HTQT;
KT-ĐBCLGD

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Đức Lương

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - HỢP TÁC
QUỐC TẾ, GIAI ĐOẠN 2020-2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 78/QĐ-DHL ngày 21 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế)*

- Tên trường: Trường Đại học Luật
- Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, phường An Tây, thành phố Huế
- Cổng thông tin điện tử: www.hul.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0234.3821135 – Fax: 0234.3935299

PHẦN MỞ ĐẦU

Khoa học và công nghệ (KH-CN) đã trở thành lực lượng sản xuất hiện đại, là động lực phát triển và là nền tảng của nền kinh tế tri thức của các quốc gia. Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ xác định “*phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế*”.

Sau 5 năm từ khi thành lập Trường Đại học Luật, Đại học Huế, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, công tác cán bộ và việc xây dựng đội ngũ cán bộ, nghiên cứu khoa học (NCKH), hợp tác quốc tế (HTQT) đã có sự chuyển biến rõ rệt và từng bước ổn định và đi vào nề nếp. Trình độ, kiến thức và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Nhà trường được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, NCKH chưa thật sự gắn với quy hoạch và yêu cầu nhiệm vụ, chất lượng hiệu quả đào tạo chưa đạt

được như mong muốn.

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ - Hợp tác quốc tế được xây dựng nhằm cụ thể hóa các mục tiêu của Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2030 đã được ban hành theo Quyết định số 120/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2015 của Hiệu trưởng về Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật, Đại học Huế giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2030.

I. Đánh giá thực trạng hoạt động Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Luật

1.1. Tình hình đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện hoạt động Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế

Đơn vị tính: người

TT	Nhân lực	Tổng số	Trong đó		Số người đang theo học NCS và cao học
			Giảng viên được đào tạo tại nước ngoài	Chuyên viên	
	Tổng số nhân lực của đơn vị	126			- NCS: 19 (01 được đào tạo nước ngoài). - Cao học trong nước: 09
1	PGS	02	0		
2	Tiến sĩ	17	4	0	
3	Thạc sĩ	64	5	13	
4	Đại học	40	0	24	
5	Khác	04	0		

1.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

1.2.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Về đề tài nghiên cứu khoa học

TT	ĐỀ TÀI	NĂM				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Cấp Bộ	0	0	0	1	1
2	Cấp Đại học Huế	3	2	4	5	7

3	Cấp Trường (CB,VC)	4	10	7	6	13
4	NCKH của người học	3	8	15	18	21

- Số lượng đề tài NCKH gắn kết với các chương trình đào tạo đại học, sau đại học, in thành sách (giáo trình, tài liệu học tập...)

Năm	Đề tài		Số lượng đề tài được đưa vào ứng dụng tại Trường	
	Theo định hướng cứu	Theo định hướng nghiên cứu ứng dụng	Xuất bản thành sách, tài liệu học tập	Đề tài NCKH gắn kết với các chương trình đào tạo
2015	10	0	01	0
2016	17	03	0	03
2017	23	03	03	0
2018	22	08	08	0
2019	38	04	02	02

- Về Tạp chí “Pháp luật và Thực tiễn”

Tạp chí ”Pháp luật và Thực tiễn” được hoạt động từ năm 2016 theo Giấy phép số 296/GP-BTTTT ngày 6/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông, cấp mã chuẩn quốc tế ISSN (năm 2017). Kỳ hạn xuất bản: 1 kỳ/3 tháng, số lượng bài gửi đăng gấp 2.5 lần so với số lượng bài xuất bản, trong đó 50% từ các cơ sở đào tạo nghiên cứu Luật ở Việt Nam. Tạp chí là diễn đàn khoa học để quảng bá thương hiệu của Nhà trường trong gần 100 cơ sở đào tạo Luật ở Việt Nam; là 1 trong 3 cơ sở đào tạo Luật có tạp chí chuyên ngành ở Việt Nam.

- Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế

Bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo

Năm	Bài báo quốc tế có chỉ số ISI, SCOPUS hoặc tương đương	Bài báo đăng tạp chí quốc tế	Bài báo đăng Kỷ yếu quốc tế có phản biện	Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành Luật được tính điểm của HĐGSNN	Tạp chí khác	Bài báo đăng ở Hội nghị, Hội thảo tại Trường	Tổng số
2015	0	0	0	109	22	08	139
2016	0	2	0	69	11	18	100
2017	0	0	0	82	0	41	103
2018	1	0	1	61	4	109	176
2019	0	14	7	83	1	94	199

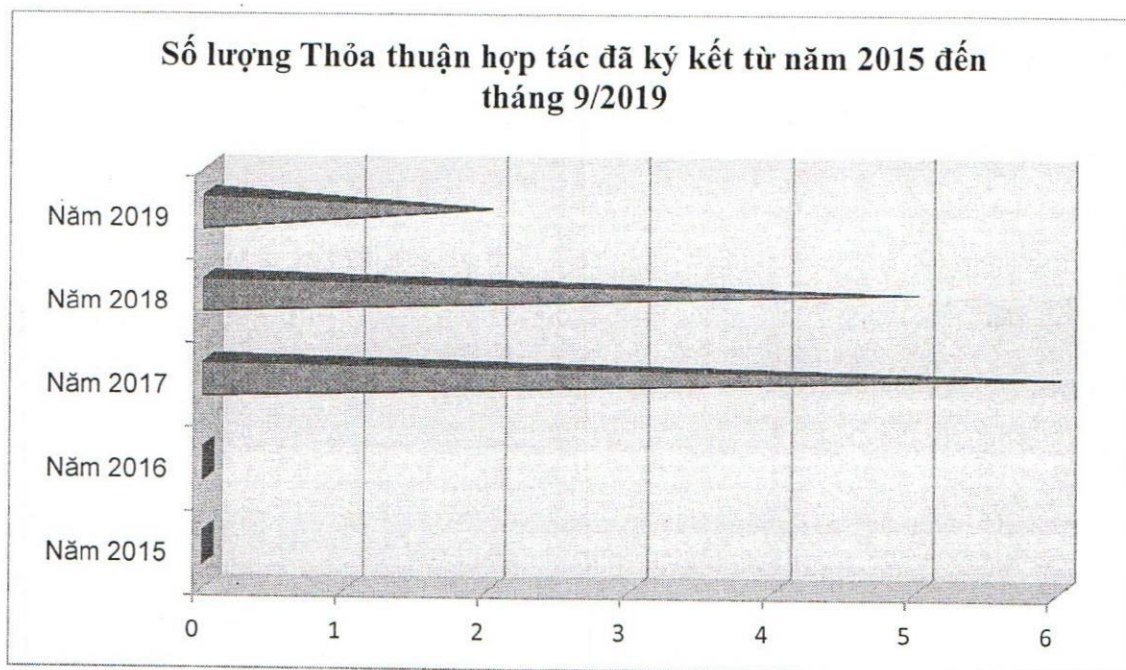
1.2.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế

- Về hội thảo quốc tế

Năm	Hội thảo quốc tế				Ghi chú
	Số lượng	Bài báo đăng Kỷ yếu hội thảo	Xuất bản Kỷ yếu hội thảo thành sách (ISBN)	Bài báo đăng tạp chí quốc tế	
2015	0	0	0	0	
2016	0	0	0	0	
2017	4	41	1	0	+ Đại học Champasack (Lào); + Học viện giáo dục toàn cầu; + Khoa Luật ĐHQG Hà Nội, ĐH Champasack (Lào) + Khoa Kinh doanh, ĐH Queensland (Úc)
2018	4	109	01	0	ACJV (Pháp); ĐH Toulouse 1 (Pháp); RECITAL, Nhật Bản;

2019	3	94	0	13	ACJV; Toulouse 1 (Pháp);
------	---	----	---	----	--------------------------

- Về số lượng thỏa thuận hợp tác



Đến tháng 9/2019, Trường Đại học Luật, Đại học Huế vẫn còn 06 thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực và đang tiến hành. Trong đó:

02 thỏa thuận về xây dựng chương trình liên kết đào tạo (Đại học Champasack (Lào); Trung tâm Luật Sông Mekong)

02 thỏa thuận về chương trình trao đổi sinh viên, NCS (Đại học Khon Kae, Trụ sở Nongkhai, Thái Lan; Đại học Toulouse 1 (Pháp))

02 thỏa thuận về việc tổ chức Hội thảo thường niên và các hình thức hợp tác khác (ACJV và Đại học Toulouse 1 (Pháp))

- Về trao đổi sinh viên theo thỏa thuận hợp tác

Năm 2018, Trường Đại học Luật, Đại học Huế cử 02 sinh viên tham gia Chương trình Mekong Region Law Program theo thỏa thuận kí kết với Trung tâm Luật Sông Mekong.

Năm 2019, Trường Đại học Luật, Đại học Huế cử đoàn gồm 02 giảng viên và 23 sinh viên tham gia chương trình thực tập và trao đổi tại Đại học Khon Kaen, Trụ sở Nongkhai, Thái Lan.

1.3. Những thành công và hạn chế về thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

1.3.1. Những thành công

Các mục tiêu về khoa học công nghệ cụ thể cần đạt được đến năm 2020 về cơ bản đã hoàn thành.

Nhà trường đã dành một khoản kinh phí phù hợp cho hoạt động khoa học công nghệ và HTQT gắn việc nghiên cứu với giảng dạy thực tế.

Các hoạt động KH-CN và HTQT của Trường đáp ứng tốt mục tiêu chương trình đào tạo; hoạt động KH-CN và HTQT đã thực sự đóng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong toàn Trường.

Số lượng đề tài cấp cơ sở và hoạt động nghiên cứu khoa học của người học tăng lên theo từng năm.

Đề tài nghiên cứu khoa học của Trường đã có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển của Nhà trường.

Nhà trường đã triển khai nhiều hội thảo quốc tế. Sản phẩm của hội thảo quốc tế có tác dụng tích cực đến việc phát triển khoa học công nghệ và nâng cao năng lực nghiên cứu cho cán bộ, giảng viên trong toàn trường.

Thông qua hoạt động HTQT của Trường, người học được tham gia chương trình thực tập và trao đổi tại các nước bạn.

1.3.1. Những hạn chế

1.3.1.1. Về hoạt động khoa học công nghệ

Đa số các kết quả nghiên cứu của đề tài mới chỉ là những quy trình, kiến nghị, giải pháp mà chưa có địa chỉ áp dụng cụ thể và chuyển giao.

Ít có công trình khoa học công bố ở tạp chí quốc tế liên quan đến đề tài.

Chưa có các đề tài thực hiện theo hợp đồng đặt hàng với chuyển giao các kết quả nghiên cứu để giải quyết các vấn đề cụ thể về KT-XH ở địa phương.

Việc liên kết về nghiên cứu khoa học của Trường với các cơ sở ngoài trường vẫn còn hạn chế.

Nghiên cứu khoa học dành cho người học chưa trở thành phong trào phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu, huy động tối đa sinh viên Trường tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học; sản phẩm nghiên cứu khoa học sinh viên chưa được đưa vào khai thác, sử dụng, hướng đến phục vụ sự phát triển của Trường và phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, học tập, rèn luyện của sinh viên.

Số lượng sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học còn quá ít.

1.3.1.2. Về hoạt động hợp tác quốc tế

Các chương trình HTQT chưa triển khai đều ở tất cả các Khoa.

Một số hội thảo khoa học quốc tế không có bài viết toàn văn của phía đối tác nước ngoài. Do vậy, không có sản phẩm đầu ra theo quy định.

Số lượng cán bộ, giảng viên có khả năng xây dựng và thiết lập các dự án hợp tác quốc tế không nhiều.

1.4. Nguyên nhân của những hạn chế

Sự đầu tư xây dựng cơ bản cho Nhà trường mới thành lập còn rất hạn chế, nguồn thu sự nghiệp chủ yếu từ học phí nên phần nào cũng khó khăn trong đầu tư phát triển về con người và những hoạt động có tính chất bứt phá để khẳng định vị thế Nhà trường.

Đội ngũ giảng viên của nhà trường còn thiếu về số lượng; số giảng viên có trình độ tiến sĩ, có học hàm còn ít;

Năng lực ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên còn hạn chế.

Bản thân người học khi tham gia vào các nhóm nghiên cứu chưa thực sự đam mê và đầu tư thời gian, công sức cho hoạt động nghiên cứu.

Kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên chưa nhiều, đặc biệt là các đề tài cần điều tra, khảo sát.

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

2.1. Quan điểm phát triển

Phát triển KH-CN-HTQT là cơ sở cho đổi mới và nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, GV phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu; khẳng định vị

thể của Trường Đại học Luật trong công tác đào tạo nguồn nhân lực pháp lý có chất lượng, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực pháp luật, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Phát triển KH-CN-HTQT phải bảo đảm sự gắn kết giữa nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế với đào tạo.

2.2. Mục tiêu phát triển Khoa học và công nghệ - Hợp tác quốc tế

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và khẳng định vị thế Trường Đại học Luật, Đại học Huế đứng trong top 5 cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách về lĩnh vực pháp luật trong cả nước.¹

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.2.1. Khoa học và công nghệ

- Có ít nhất 6 đề tài cấp bộ, 02 đề tài cấp tỉnh, 80 đề tài cấp Đại học Huế và 200 đề tài cấp Trường; phấn đấu xây dựng được ít nhất 01 đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác quốc tế; tổng kinh phí khoa học công nghệ thực hiện trong nhiệm kỳ tối thiểu 20 tỷ đồng; có ít nhất 6 đề tài cấp Đại học Huế có giá trị ứng dụng cho tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số lượng các bài báo công bố trên các tạp chí uy tín quốc tế (Web of Science và Scopus) là 50 bài. Công bố khoa học các hình thức bình quân đạt tỷ lệ 0.2 bài/giảng viên cơ hữu. Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn cả hình thức in và điện tử, được tính điểm của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước ngành Luật với số điểm 0,75 điểm/công trình vào năm 2022.

- Hàng năm tổ chức ít nhất là 10 Hội thảo khoa học sinh viên (do Trường, khoa, Trung tâm, Đoàn thanh niên chủ trì), các bài tham luận phải được duyệt trước khi đưa vào kỷ yếu; có ít nhất 20 đề tài NCKH dành cho người học.

2.2.2.1. Hợp tác quốc tế

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế- Luật, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- Phân đầu xây dựng được 01 chương trình đào tạo liên kết quốc tế, thu hút ít nhất 30 sinh viên quốc tế thực tập tại Trường hàng năm. Thu hút sinh viên nước ngoài học tại Trường khoảng 200-250 người/năm.

- Tổ chức trung bình 02 hội thảo quốc tế/năm, kết quả hội thảo được xuất bản thành sách có chỉ số ISBN hoặc đăng trên tạp chí của các trường nước ngoài liên kết; thu hút 50 lượt chuyên gia quốc tế đến tham gia công tác giảng dạy, hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi chuyên môn.

2.3. Định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ - Hợp tác quốc tế

Đổi mới phương thức xây dựng nhiệm vụ KH-CN-HTQT, lựa chọn và xác định nhiệm vụ NCKH bảo đảm tính thực tiễn, chuyên ngành. Tăng tỷ lệ nhiệm vụ KH-CN có ứng dụng vào thực tiễn và kết quả nghiên cứu khoa học được công bố quốc tế.

Tiếp cận với các đối tác chiến lược, tiềm năng, thiết lập các mối quan hệ, hợp tác, ký các văn bản ghi nhớ thỏa thuận và mở rộng phạm vi hợp tác. Phát triển mới các liên kết trao đổi học thuật song phương, đa phương giữa Nhà trường với các trường đại học có đào tạo Luật trong và ngoài nước.

Thúc đẩy hoạt động NCKH, HTQT trong toàn Trường và áp dụng các chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với cán bộ, viên chức, người học có nhiều đóng góp cho NCKH và HTQT.

2.4. Nhiệm vụ chủ yếu

Quy hoạch, đào tạo phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ - Hợp tác quốc tế đồng bộ để đáp ứng nhu cầu nhân lực cao phục vụ định hướng phát triển của Trường.

Thu hút nguồn nhân lực KH-CN-HTQT bên ngoài vào tham gia hoạt động KH-CN-HTQT tại Trường.

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, HTQT cho cán bộ, giảng viên trong toàn Trường.

Đưa ra định lượng tiêu chí nghiên cứu khoa học, HTQT vào việc bình xét thi

đua.

2.5. Nhóm các giải pháp chủ yếu

2.5.1. Nhóm các giải pháp về xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ Khoa học và công nghệ - Hợp tác quốc tế

Hình thành 3 nhóm nghiên cứu liên ngành trong Nhà trường theo từng nhóm lĩnh vực để có đủ nguồn lực tập trung vào lĩnh vực: Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao cho cộng đồng (tỉnh Thừa Thiên Huế và các tỉnh miền Trung); nghiên cứu để có sản phẩm công bố quốc tế/xuất bản; xây dựng đề án liên kết nghiên cứu quốc tế.

Triển khai xuất bản các kết quả nghiên cứu của đề tài (khoảng 50%) số đề tài và thương mại hóa thông qua các phương thức sử dụng kho dữ liệu điện tử có thu kinh phí (hợp tác Công ty Luật),... để nguồn thu từ khoa học công nghệ đạt 5%/tổng nguồn thu.

Triển khai nâng cao chất lượng tạp chí khoa học, thu hút các chuyên gia có uy tín viết bài. Hoàn thiện thủ tục xin cấp phép hoạt động để tạo diễn đàn khoa học Luật trong nhóm các cơ sở đào tạo, nghiên cứu chuyên sâu về Luật.

Xây dựng và triển khai kế hoạch sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ khoa học công nghệ theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP cho hoạt động khoa học công nghệ theo khoản 2, Điều 3 bao gồm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, chuyển giao,... để có cơ sở hạ tầng.

Xây dựng các quy định về hợp tác quốc tế theo hướng kết nối với hệ thống các trường đào tạo Luật, với Đại học Huế để thu hút đội ngũ các nhà khoa học ở nước ngoài, các dự án hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Phân cấp kết nối hợp tác quốc tế về các khoa chuyên môn trong nhiệm kỳ 2020-2025, mỗi khoa kết nối được ít nhất 02 đối tác và có các hoạt động hợp tác, có sản phẩm đầu ra.

Xây dựng đội ngũ làm công tác hợp tác quốc tế chuyên nghiệp, đủ khả năng thực hiện kết nối và lập các dự án. Cử đội ngũ hợp tác quốc tế tập huấn các khóa viết dự án, các kỹ năng hợp tác quốc tế.

2.5.2. Nhóm các giải pháp về tăng cường và phát huy tiềm lực đội ngũ cán bộ khoa học

Thúc đẩy 23 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trong giai đoạn 2020-2024 và có ít 30 người dự thi nghiên cứu sinh trong giai đoạn 2020 - 2025 (trong đó 20 người bảo vệ vào năm 2025) để có tổng số tiến sĩ là 60.

Có chính sách ưu tiên cho tiến sĩ trong bổ nhiệm, thi giảng viên chính, nghiên cứu khoa học; không hoặc hoãn thực hiện quy trình đối với những trường hợp không/chậm hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn. Thu hút tiến sĩ nguồn bên ngoài và tìm nguồn để cử học tiến sĩ hoặc thạc sĩ nước ngoài khoảng 10 -15 người/5 năm).

Chỉ tiêu tuyển dụng từ thạc sĩ trở lên, có trình độ tiếng Anh IEITS tối thiểu 5.0 hoặc đang theo học các chương trình thạc sĩ Luật ở các trường có uy tín ở nước ngoài để nâng cao năng lực ngoại ngữ của giảng viên, triển khai mở các chương trình chất lượng cao hoặc giảng dạy 10-20% học phần bằng tiếng Anh, tiếng Pháp.

2.5.3. Nhóm các giải pháp về đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư tài chính cho hoạt động Khoa học và công nghệ - Hợp tác quốc tế

Xây dựng các đề án, kế hoạch và phương thức thực hiện cụ thể trong hợp tác quốc tế, hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao sản phẩm để có nguồn thu 5% /tổng nguồn của Nhà trường.

Xây dựng kế hoạch khoán chi cho nhóm nghiên cứu liên ngành và cho các đơn vị theo nhiệm vụ và kết quả đầu ra.

Xây dựng kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho người học theo tinh thần của Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ.

2.5.4. Nhóm các giải pháp về đổi mới công tác thông tin khoa học và công nghệ

Đầu tư hạ tầng thông tin, trang thiết bị hiện đại với cấu hình mạnh; xây dựng các bộ sưu tập số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu các môn học; xây dựng cơ sở dữ liệu bài trích báo, tạp chí phục vụ nghiên cứu đào tạo; sưu tầm và tổ chức các bộ

suu tập thông tin, tư liệu phục vụ nghiên cứu hướng tới xây dựng kho cơ sở dữ liệu. Nghiên cứu lựa chọn công nghệ và đối tác phù hợp để đầu tư xây dựng, triển khai quản lý hệ thống thư viện điện tử hướng đến mô hình thư viện thông minh, thư viện tự phục vụ hiện đại vào năm 2025.

2.5.5. Nhóm các giải pháp về gắn kết nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và đào tạo

Xây dựng đề án mở các ngành đào tạo đại học và sau đại học bao gồm cả chất lượng cao và liên kết quốc tế; xây dựng chương trình đào tạo Luật Quốc tế với các học phần thiết kế ít nhất 30% giảng dạy bằng tiếng Anh để có khả năng thu hút sinh quốc tế về trao đổi tín chỉ. Tiếp tục thực hiện chương trình tiếng Anh chuyên ngành và thực tập, thực tế ở nước ngoài cho nhóm sinh viên chất lượng cao.

Xây dựng chính sách và cơ chế thuê chuyên gia/cán bộ nghiên cứu theo hợp đồng dịch vụ, nhiệm vụ KH-CN, HTQT.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Trường Đại học Luật, Đại học Huế

a. Tổ chức xây dựng kế hoạch KH-CN-HTQT hàng năm để xác định các chỉ tiêu cụ thể, phù hợp với lộ trình thực hiện Chiến lược.

b. Chỉ đạo các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc xây dựng kế hoạch và triển khai các nội dung về Chiến lược phát triển KH-CN-HTQT của đơn vị phù hợp với định hướng và các nội dung của Chiến lược.

c. Tổ chức phát triển và phân bổ nguồn lực, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện Chiến lược theo lộ trình.

d. Đánh giá, điều chỉnh và bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển KH-CN-HTQT của Nhà trường.

3.2. Các Khoa, Phòng, Trung tâm

a. Phổ biến các nội dung của Chiến lược này đến tất cả các đơn vị, công chức, viên chức, người lao động, người học trong toàn đơn vị.

b. Xây dựng kế hoạch tương ứng của đơn vị phù hợp với Chiến lược phát

triển KHCN-HTQT và các kế hoạch khác của Nhà trường.

c. Hàng năm báo cáo Ban Giám hiệu (thông qua Phòng KHCN-HTQT) tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và kiến nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn của đơn vị và Nhà trường.

